



THÔNG BÁO

Đấu giá Quyền sử dụng đất tại Dự án Khu đô thị số 9, thị trấn Hương Sơn, Khu trung tâm xã Thanh Ninh, Khu dân cư trung tâm xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc, địa chỉ: Số nhà 76, đường Hoàng Ngân, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.



2. Người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình (Cơ quan đại diện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Phú Bình), địa chỉ: Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.



3. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

3.1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ:

Quyền sử dụng đất tại Dự án Khu đô thị số 9, thị trấn Hương Sơn, Khu trung tâm xã Thanh Ninh, Khu dân cư trung tâm xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

- Hình thức: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng: Sử dụng lâu dài theo đúng mục đích.

- Hạ tầng kỹ thuật: Trong khu vực dự án có hạ tầng giao thông đã được kết nối.

3.2. Nơi có tài sản: Thị trấn Hương Sơn, xã Thanh Ninh, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.



3.3. Nơi có giấy tờ về quyền sử dụng đất: Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình (Cơ quan đại diện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Phú Bình), địa chỉ: Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

KĐT số 9

KTT xã
Thanh Ninh

KDC TT
xã Bàn Đạt

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Từ 07h30 ngày 24/3/2025 đến 17h00 ngày 16/4/2025 tại nơi có tài sản và nơi có giấy tờ về quyền sử dụng đất (trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, không tính các ngày nghỉ, lễ theo quy định).

5. Tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, chuẩn bị hồ sơ, nộp hồ sơ, nộp phiếu trả giá tham gia đấu giá:



*** Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá:**



- Người tham gia đấu giá tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá (Phiếu đăng ký và CCCD) trong thời gian từ 07h30 ngày 24/3/2025 đến hết 17h00 ngày 16/4/2025 (Trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, không tính các ngày nghỉ, lễ theo quy định) trực tiếp hoặc qua đường bưu chính cho Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc, địa chỉ: Số 76, đường Hoàng Ngân, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Khách hàng không được mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

- Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hồ sơ, nộp phiếu đăng ký phải có giấy ủy quyền hợp lệ.

- Hồ sơ mời tham gia đấu giá được đăng (để tham khảo) tại:

+ Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản: <http://dgts.moj.gov.vn/>

+ Trang thông tin điện tử của Công ty Đấu giá hợp danh Việt Bắc: <http://daugiavietbac.com>.

(Khách hàng có thể tham khảo hồ sơ, giấy tờ tài sản nhận qua địa chỉ gmail)

+ Hồ sơ mời tham gia đấu giá gồm: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá, phiếu trả giá, quy chế phiên đấu giá, tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.

- Hồ sơ mời đấu giá tài sản được đăng tải công khai, **ĐỀ NGHỊ** các khách hàng tham khảo kỹ hồ sơ đấu giá trước khi nộp hồ sơ tham gia đấu giá tài sản. Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc không chịu trách nhiệm đối với các trường hợp phát sinh do lỗi của khách hàng không tìm hiểu kỹ hồ sơ.

*** Hồ sơ tham gia đấu giá của khách hàng gồm có:**

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu (Có đóng dấu treo của Công ty đấu giá Hợp danh Việt Bắc). Người tham gia đấu giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, các thông tin yêu cầu trên mẫu đơn, ký hiệu lô đất đăng ký tham gia đấu giá và ký tên.

+ CCCD của người tham gia đấu giá (02 bản photo. Trường hợp các giấy tờ nêu trên bị thất lạc, bị thu hồi theo quy định, khách hàng phải cung cấp giấy xác nhận cư trú của cơ quan công an tại địa phương nơi đăng ký thường trú).

+ Giấy ủy quyền hợp lệ và bản photo CCCD của người được ủy quyền (Trong trường hợp ủy quyền tham gia đấu giá, trả giá).

Lưu ý:

- Ký hiệu lô đất đăng ký trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá phải trùng với ký hiệu lô đất đưa ra đấu giá, trường hợp lô đất đăng ký đấu giá ghi trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá không trùng khớp với ký hiệu lô đất đưa ra đấu giá thì khi xét điều kiện tham gia phiên đấu giá, phiếu đăng ký tham gia đấu giá của khách hàng đó sẽ bị huỷ, khách hàng chỉ nhận được nhận lại khoản tiền đặt trước đã nộp.

A.B
TỔ
DẤ
ỢP
TẾ
YẾ

- *Phiếu đăng ký tham gia đấu giá không ký và ghi rõ họ tên, không ghi rõ (hoặc không ghi) ký hiệu lô đất muốn đăng ký tham gia đấu giá thì phiếu đăng ký của khách hàng đó sẽ bị hủy, khách hàng không được nhận lại khoản tiền mua hồ sơ đã nộp.*

- *Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá đã mua không được rút, đổi, trả lại.*

*** Thời gian, địa điểm nộp phiếu trả giá:**

- **Phiếu trả giá phải nộp qua đường bưu chính cho Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc** trong thời gian từ 07h30 ngày 24/3/2025 đến trước 17h00 ngày 16/4/2025, trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6, không tính các ngày nghỉ, lễ theo quy định. Các trường hợp phiếu trả giá gửi đến sau 17h00' ngày 16/4/2025 sẽ không hợp lệ.

- **Phong bì đựng phiếu trả giá nộp qua đường bưu chính phải ghi rõ các nội dung như sau:**

+ Họ tên, số điện thoại khách hàng tham gia đấu giá.

+ **Phong bì đựng phiếu trả giá ghi rõ đấu buổi sáng hoặc buổi chiều QSDĐ** tại huyện Phú Bình.

+ Nơi nhận: Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc.

+ Địa chỉ: Số nhà 76, đường Hoàng Ngân, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Điện thoại: 0208.628.6789.

Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc và Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Phú Bình không nhận hồ sơ mà đơn vị bưu chính chuyển đến sau 17h00 ngày 16/4/2025 và **chỉ nhận qua đơn vị Chuyển phát nhanh, Công ty sẽ ký nhận với bưu tá chuyển phát.**

- **Lưu ý: Nếu khách hàng cùng nộp phiếu đăng ký tham gia đấu giá, CCCD photo và phiếu trả giá qua đường bưu chính thì phong bì đựng phiếu đăng ký tham gia đấu giá cùng CCCD photo và phong bì đựng phiếu trả giá phải tách riêng biệt với nhau (làm 2 phong bì). Ghi rõ nội dung phong bì đựng phiếu đăng ký hoặc phiếu trả giá.**

- **Trường hợp khách hàng không ghi rõ tham gia buổi sáng hay buổi chiều sẽ không được bỏ vào thùng phiếu.**

6. Người đăng ký tham gia đấu giá:

a) Những người được phép đăng ký tham gia đấu giá:

- Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất quy định tại Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024.

- Đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Không thuộc các trường hợp cấm theo quy định của pháp luật.

- Cá nhân đăng ký tham gia đấu giá phải có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do tổ chức bán đấu giá phát hành và nộp tiền theo quy định. Việc ủy quyền tham gia đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Những trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá:

+ Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

+ Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

+ Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại mục này;

+ Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

+ Các trường hợp không thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

7. Thời gian nộp tiền đặt trước:

- Từ 07h30 ngày 24/3/2025 đến trước 17h00 ngày 16/4/2025 (Tiền đặt trước của khách hàng phải báo "Có" về tài khoản Công ty trước 17 giờ 00 phút ngày 16/4/2025).

- Tiền đặt trước nộp bằng chuyển vào tài khoản số: **222888386** tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thái Nguyên của Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc.

- Nội dung chuyển tiền đặt trước ví dụ: **Nguyễn Văn A** nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá lô KĐT số 9, thị trấn Hương Sơn, Khu trung tâm xã Thanh Ninh, KDC trung tâm xã Bàn Đạt.



***Lưu ý:**

- Tiền đặt trước được nộp theo từng lô hoặc tổng số tiền của các lô đăng ký tham gia đấu giá, nếu khách hàng không nộp đủ số tiền đặt trước của các lô đăng ký tham gia đấu giá thì được coi là không hợp lệ.

- Trường hợp đăng ký nhiều lô đất và thực hiện nộp tiền cộng gộp cho nhiều lô thì khách hàng phải đảm bảo nộp đúng và đủ số tiền cho toàn bộ các lô đất đã ghi

trên phiếu đăng ký tham gia đấu giá. Nếu nộp góp tiền mà thiếu tiền thì khách hàng làm đơn xin bỏ một trong các lô đất đã đăng ký và nộp trước phiên công bố giá.

- Trường hợp khách hàng nộp tiền đặt trước cho các lô đất đấu giá ít hơn tổng số lô đất đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá thì phải “GHI RÕ” từng ký hiệu lô đất đăng ký đấu giá trong phần nội dung nộp tiền đặt trước.

- Trường hợp khách hàng nộp tiền đặt trước cho các lô đất đấu giá ít hơn tổng số lô đất đăng ký tham gia đấu giá, đã ghi rõ ký hiệu lô đất đăng ký đấu giá trong phần nội dung nộp tiền đặt trước nhưng ký hiệu đó không trùng với ký hiệu lô đất trong phiếu đăng ký đã nộp thì hồ sơ đó sẽ bị loại, khách hàng chỉ được nhận lại khoản tiền đặt trước đã nộp.

- Các chi phí phát sinh liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền và nhận lại tiền đặt trước do khách hàng chịu phí theo mức phí quy định của các Tổ chức tín dụng/Ngân hàng.

- Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc không có bất kỳ sự thoả thuận nào đối với người tham gia đấu giá về việc chấp thuận nộp tiền đặt trước sau thời điểm hết hạn hoặc nộp tiền vào số tài khoản khác đã được quy định tại Thông báo đấu giá, Quy chế phiên đấu giá này.

- Khách hàng tự tính toán thời gian nộp tiền để đảm bảo số tiền đặt trước được “Báo có” vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu chậm nhất đến 17h00 ngày 16/4/2025. Tất cả các trường hợp “Báo có” sau 17h00 ngày 16/4/2025 được xác định là không hợp lệ, không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá mà Công ty không cần phải thông báo bằng văn bản đến từng khách hàng.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá (công bố giá):

7.1. Đối với các lô có số thứ tự từ 01 đến 124: Từ 08 giờ 00 phút ngày 19/4/2025 tại Trung tâm Văn hoá – Thể thao huyện Phú Bình, địa chỉ: Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.



7.2. Đối với các lô có số thứ tự từ 125 đến 239: Từ 13 giờ 30 phút ngày 19/4/2025 tại Trung tâm Văn hoá – Thể thao huyện Phú Bình, địa chỉ: Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Tùy thuộc vào số lượng khách hàng, địa điểm cuộc đấu giá có thể thay đổi, Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc sẽ thông báo trước cho khách hàng được biết.

- Đề nghị khách hàng tham gia có mặt tại địa điểm tổ chức trước khi bắt đầu phiên đấu giá ít nhất 60 phút để làm thủ tục để làm thủ tục vào hội trường đấu giá

8. Hình thức, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp theo phương thức trả giá lên.

*** Các thông tin khác:**

- Người trúng đấu giá sử dụng đất đúng mục đích, xây dựng công trình theo quy hoạch xây dựng chi tiết được phê duyệt và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Người trúng đấu giá phải nộp đủ số tiền sử dụng đất và các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước và cơ quan thuế.

- Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp đầy đủ tiền vào Ngân sách nhà nước trong thời gian 30 ngày kể từ khi có Thông báo của cơ quan Thuế kể từ ngày trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

- Trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan thuế (trong thời gian 30 ngày kể từ khi có thông báo của cơ quan Thuế) thì sau 120 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, UBND huyện hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc theo quy định. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định.

- Thông báo này thay cho giấy mời đối với khách hàng tham gia trả giá khi đủ điều kiện.

* Mọi chi tiết xin liên hệ: Công ty Đấu giá Hợp danh Việt Bắc, địa chỉ: Số nhà 76, đường Hoàng Ngân, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên hoặc tham khảo trên Website: <http://daugiavietbac.com>.

ĐT: 0208.628.6789 (Trong giờ hành chính, từ thứ 2 đến thứ 6).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS – Bộ Tư Pháp;
- Trang thông tin tài sản công Cục quản lý Công sản - Bộ Tài chính;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Phú Bình;
- UBNDThị trấn Hương Sơn;
- UBND xã Thanh Ninh;
- UBND xã Bàn Đạt;
- Nơi tổ chức đấu giá tài sản;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu: HSDG.



Trần Mạnh Phong

26		178	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
27	LK-8A	179	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
28		180	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
29	LK-8B	181	108	ODT	12.600.000	1.360.800.000	272.160.000	200.000	Một mặt thoáng	
30		187	126,04	ODT	13.200.000	1.663.728.000	332.745.600	200.000	Hai mặt tiền	
31	LK-8B	188	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
32		189	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
33	LK-8B	190	108	ODT	12.000.000	1.296.000.000	259.200.000	200.000		
34		191	108	ODT	12.600.000	1.360.800.000	272.160.000	200.000	Một mặt thoáng	
35	LK-9C	237	104,62	ODT	13.200.000	1.380.984.000	276.196.800	200.000	Hai mặt tiền	
36		238	108,7	ODT	12.000.000	1.304.400.000	260.880.000	200.000		
37	LK-9C	239	108,7	ODT	12.000.000	1.304.400.000	260.880.000	200.000		
38		240	108,7	ODT	12.000.000	1.304.400.000	260.880.000	200.000		
39	LK-10A	241	108,7	ODT	12.000.000	1.304.400.000	260.880.000	200.000		
40		242	104,6	ODT	13.200.000	1.380.720.000	276.144.000	200.000	Hai mặt tiền	
41	LK-10A	248	105,63	ODT	13.200.000	1.394.316.000	278.863.200	200.000	Hai mặt tiền	
42		249	94,5	ODT	12.000.000	1.134.000.000	226.800.000	200.000		
43	LK-10A	250	102,37	ODT	12.000.000	1.228.440.000	245.688.000	200.000		
44		251	102,37	ODT	12.000.000	1.228.440.000	245.688.000	200.000		
45	LK-10A	252	94,5	ODT	12.000.000	1.134.000.000	226.800.000	200.000		
46		253	105,6	ODT	13.200.000	1.393.920.000	278.784.000	200.000	Hai mặt tiền	
II	Trục đường quy hoạch rộng 19,5m									
47	LK-6A	95	135,58	ODT	12.100.000	1.640.518.000	328.103.600	200.000	Hai mặt tiền	
48		96	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
49	LK-6A	97	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
50		98	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
51	LK-6A	99	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
52		100	178,17	ODT	11.000.000	1.959.870.000	391.974.000	200.000		
53	LK-6A	101	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
54		102	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
55	LK-6A	103	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
56		104	100	ODT	11.550.000	1.155.000.000	231.000.000	200.000	Một mặt thoáng	
57	LK-6B	113	100	ODT	11.550.000	1.155.000.000	231.000.000	200.000	Một mặt thoáng	
58		114	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
59	LK-6B	115	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
60		116	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
61	LK-6B	117	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
62		118	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
63		119	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		

64		120	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000	
65	LK-6B	121	100	ODT	11.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000	
66		122	177,9	ODT	12.100.000	2.152.590.000	430.518.000	200.000	Hai mặt tiền
67	LK-9A	192	154,74	ODT	12.100.000	1.872.354.000	374.470.800	200.000	Hai mặt tiền
III	Trục đường tiếp giáp KĐT Phú Bình 1 và trục song song với trục chính đi qua bãi đỗ xe (quy hoạch rộng 15,5m)								
68		296	107,5	ODT	11.000.000	1.182.500.000	236.500.000	200.000	Hai mặt tiền
69		297	99	ODT	10.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
70	LK-11A	298	99	ODT	10.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
71		299	99	ODT	10.500.000	1.039.500.000	207.900.000	200.000	Một mặt thoáng
72		300	99	ODT	10.500.000	1.039.500.000	207.900.000	200.000	Một mặt thoáng
73		301	143,18	ODT	11.000.000	1.574.980.000	314.996.000	200.000	Hai mặt thoáng
74		304	128	ODT	11.000.000	1.408.000.000	281.600.000	200.000	Hai mặt thoáng
75		305	90	ODT	10.500.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
76		306	90	ODT	10.500.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
77		307	90	ODT	10.500.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
78		308	108	ODT	11.000.000	1.188.000.000	237.600.000	200.000	Hai mặt tiền
79		309	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
80	LK-11B	310	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
81		311	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
82		312	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
83		313	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
84		314	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
85		315	82,8	ODT	11.000.000	910.800.000	182.160.000	100.000	Hai mặt thoáng
86		290	179,1	ODT	11.000.000	1.970.100.000	394.020.000	200.000	Một mặt thoáng
87		291	179,1	ODT	11.000.000	1.970.100.000	394.020.000	200.000	Hai mặt tiền
88	LK-10C	292	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
89		293	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
90		294	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
91		295	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
92		276	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng
93		277	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
94		278	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
95		279	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
96	LK-10B	280	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
97		281	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
98		282	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
99		283	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
100		284	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
101	LK-9A	200	147,46	ODT	10.500.000	1.548.330.000	309.666.000	200.000	Một mặt thoáng
102		201	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	

103		202	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
104	LK-9A	203	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
105		204	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
106		205	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
107		206	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000	
108		220	127	ODT	10.500.000	1.333.500.000	266.700.000	200.000	Một mặt thoáng
109		221	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000	
110	222	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
111	223	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
112	224	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
113	225	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
114	226	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
115	227	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
116	228	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
117	229	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
118	230	110	ODT	10.000.000	1.100.000.000	220.000.000	200.000		
119	231	125,53	ODT	10.500.000	1.318.065.000	263.613.000	200.000	Một mặt thoáng	
120	243	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000		
121	244	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000		
122	245	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000		
123	246	100	ODT	10.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000		
124	247	100	ODT	10.500.000	1.050.000.000	210.000.000	200.000	Một mặt thoáng	
IV	Trục đường còn lại, quy hoạch rộng 15,5m								
125	1	116,46	ODT	9.900.000	1.152.954.000	230.590.800	200.000	Hai mặt tiền	
126	2	103,02	ODT	9.450.000	973.539.000	194.707.800	100.000	Một mặt thoáng	
127	3	105	ODT	9.450.000	992.250.000	198.450.000	100.000	Một mặt thoáng	
128	4	105	ODT	9.450.000	992.250.000	198.450.000	100.000	Một mặt thoáng	
129	5	105	ODT	9.450.000	992.250.000	198.450.000	100.000	Một mặt thoáng	
130	6	105	ODT	9.450.000	992.250.000	198.450.000	100.000	Một mặt thoáng	
131	7	105	ODT	9.900.000	1.039.500.000	207.900.000	200.000	Hai mặt thoáng	
132	8	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
133	9	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
134	10	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
135	11	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
136	12	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
137	15	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
138	16	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
139	17	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		
140	18	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000		

141	LK-1B	19	107,78	ODT	9.900.000	1.067.022.000	213.404.400	200.000	Hai mặt tiền
142		20	176	ODT	9.450.000	1.663.200.000	332.640.000	200.000	Một mặt thoáng
143		21	160	ODT	9.000.000	1.440.000.000	288.000.000	200.000	
144		22	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
145		23	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
146		24	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
147		25	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
148	LK-02	26	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
149		27	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
150		28	104	ODT	9.000.000	936.000.000	187.200.000	100.000	
151		29	107,73	ODT	9.900.000	1.066.527.000	213.305.400	200.000	Hai mặt tiền
152		30	107,73	ODT	9.900.000	1.066.527.000	213.305.400	200.000	Hai mặt tiền
153		31	104	ODT	9.000.000	936.000.000	187.200.000	100.000	
154		32	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
155		33	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
156		34	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
157		35	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
158	LK-02	36	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
159		37	112	ODT	9.000.000	1.008.000.000	201.600.000	200.000	
160		38	160	ODT	9.000.000	1.440.000.000	288.000.000	200.000	
161		39	176	ODT	9.450.000	1.663.200.000	332.640.000	200.000	Một mặt thoáng
162		40	115	ODT	9.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000	
163		41	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
164		42	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
165		43	200	ODT	9.000.000	1.800.000.000	360.000.000	200.000	
166	LK-03	44	200	ODT	9.000.000	1.800.000.000	360.000.000	200.000	
167		45	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
168		46	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
169		47	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
170		48	120	ODT	9.000.000	1.080.000.000	216.000.000	200.000	
171		49	102,5	ODT	9.900.000	1.014.750.000	202.950.000	200.000	Hai mặt tiền
172		105	163,43	ODT	9.900.000	1.617.957.000	323.591.400	200.000	Hai mặt tiền
173	LK-6A	106	128,52	ODT	9.000.000	1.156.680.000	231.336.000	200.000	
174		107	136,17	ODT	9.000.000	1.225.530.000	245.106.000	200.000	
175		108	147,13	ODT	9.000.000	1.324.170.000	264.834.000	200.000	
176		123	178,2	ODT	9.900.000	1.764.180.000	352.836.000	200.000	Hai mặt tiền
177		124	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
178	LK-6B	125	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
179		126	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
180		127	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	

181		128	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
182	LK-6B	129	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
183		130	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
184		131	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
185		132	100	ODT	9.450.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
186		151	140,3	ODT	9.000.000	1.262.700.000	252.540.000	200.000	
187	LK-7B	152	140,3	ODT	9.000.000	1.262.700.000	252.540.000	200.000	
188		153	140,3	ODT	9.000.000	1.262.700.000	252.540.000	200.000	
189		154	140,3	ODT	9.000.000	1.262.700.000	252.540.000	200.000	
190		155	140,3	ODT	9.000.000	1.262.700.000	252.540.000	200.000	
191		156	146,28	ODT	9.900.000	1.448.172.000	289.634.400	200.000	Hai mặt tiền
192	LK-8A	168	225,9	ODT	9.900.000	2.236.410.000	447.282.000	200.000	Hai mặt tiền
193		169	108	ODT	9.000.000	972.000.000	194.400.000	100.000	
194		170	108	ODT	9.000.000	972.000.000	194.400.000	100.000	
195		171	108	ODT	9.000.000	972.000.000	194.400.000	100.000	
196		172	108	ODT	9.000.000	972.000.000	194.400.000	100.000	
197	LK-9A	173	108	ODT	9.000.000	972.000.000	194.400.000	100.000	
198		174	108	ODT	9.450.000	1.020.600.000	204.120.000	200.000	Một mặt thoáng
199		193	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
200		194	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
201		195	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
202	LK-9B	196	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
203		197	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
204		198	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
205		199	147,46	ODT	9.450.000	1.393.497.000	278.699.400	200.000	Một mặt thoáng
206		208	127	ODT	9.450.000	1.200.150.000	240.030.000	200.000	Một mặt thoáng
207	LK-9C	209	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
208		210	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
209		211	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
210		212	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
211		213	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
212	LK-9D	214	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
213		215	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
214		216	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
215		217	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
216		218	110	ODT	9.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000	
217	LK-9E	219	125,54	ODT	9.450.000	1.186.353.000	237.270.600	200.000	Một mặt thoáng
218		232	100	ODT	9.450.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
219		233	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
220		234	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	



221	LK-9C	235	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
222		236	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
223		LK-10A	254	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000
224	266		100	ODT	9.450.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
225	LK-10B	267	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
226		268	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
227		269	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
228		270	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
229		271	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
230		272	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
231	LK-10C	273	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
232		274	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
233		275	100	ODT	9.450.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
234		286	100	ODT	9.450.000	945.000.000	189.000.000	100.000	Một mặt thoáng
235		287	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
236	LK-10C	288	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
237		289	100	ODT	9.000.000	900.000.000	180.000.000	100.000	
238	LK-11A	302	120	ODT	9.450.000	1.134.000.000	226.800.000	200.000	Một mặt thoáng
239		303	131,3	ODT	9.900.000	1.299.870.000	259.974.000	200.000	Hai mặt thoáng
TỔNG CỘNG						272.052.951.000	54.410.590.200		